

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH AN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 94/2025/HNGĐ-ST
Ngày 25 - 12- 2025
V/v: Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Út Mẫn

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Trần Thị Ngọc Trân

Ông Nguyễn Tấn Hưng

- Thư ký phiên tòa: Ông Võ Tuấn Anh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang: Bà Trần Thị Lành - Kiểm sát viên trung cấp.

Ngày 25 tháng 12 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 156/2024/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 12 năm 2024 về việc ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 81/2025/QĐST-HNGĐ ngày 26 tháng 11 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà **Nguyễn Diễm My**, ngày tháng năm sinh: 06/11/2005

Địa chỉ: Ấp Thạnh Phong, xã Thạnh Phước, huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang (nay là Ấp Thạnh Phong, xã Thạnh Hưng, tỉnh An Giang).

- Bị đơn: Ông **PARK HYUNGJIN**, ngày tháng năm sinh: 31/3/1984

Địa chỉ: 43 Beon-gil 1-GA Jangchung-dong Jung-gu Seoul, Hàn Quốc.

(Các đương sự đều vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn bà Nguyễn Diễm My trình bày:

Vào tháng 6/2024, bà My quen biết ông PARK HYUNGJIN qua mai mối, sau khi tìm hiểu hai bên nảy sinh tình cảm nên tổ chức đám cưới theo phong tục tập quán, sau đó đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 177 ngày 06/9/2024.

Sau khi kết hôn, vợ chồng bà chung sống tại Việt Nam được 03 ngày thì ông PARK HYUNGJIN về Hàn Quốc, bà My ở lại Việt Nam học ngôn ngữ Hàn Quốc và chờ ngày ông PARK HYUNGJIN bảo lãnh. Thời gian đầu vợ chồng còn liên lạc với nhau qua điện thoại, sau đó vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu



2025/12/25

thuần về kinh tế, bất đồng ngôn ngữ, quan điểm sống, mỗi người sống một nơi không có cơ hội quan tâm chăm sóc nhau, tình cảm vợ chồng dần phai nhạt.

Hiện nay bà My đang sống tại Việt Nam, ông PARK HYUNGJIN sống tại Hàn Quốc, hai bên không còn liên lạc. Nhận thấy, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà My khởi kiện ly hôn yêu cầu Tòa án giải quyết như sau:

- Về hôn nhân: Cho bà được ly hôn với ông PARK HYUNGJIN.
- Về con chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.
- Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn ông PARK HYUNGJIN: Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thực hiện thủ tục ủy thác tư pháp hợp lệ cho ông PARK HYUNGJIN về yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Diễm My, nhưng không có kết quả. Do đó, Tòa án đã tiến hành thực hiện thủ tục đăng trên cổng thông tin điện tử và niêm yết các thủ tục tố tụng tại Đại sứ quán nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam tại Hàn Quốc, ấn định thời gian để ông PARK HYUNGJIN thực hiện quyền trình bày ý kiến bằng văn bản gửi cho Tòa án nhân dân tỉnh An Giang, cũng như thông báo thời gian mở phiên tòa xét xử vụ án cho ông PARK HYUNGJIN được biết, nhưng đến thời điểm xét xử sơ thẩm, ông PARK HYUNGJIN vắng mặt và Tòa án không nhận được văn bản trình bày ý kiến của ông PARK HYUNGJIN.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang phát biểu quan điểm: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và đương sự đã chấp hành đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về việc giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn bà Nguyễn Diễm My.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét, thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các chứng cứ, ý kiến của đương sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn bà Nguyễn Diễm My có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt; đối với ông PARK HYUNGJIN vắng mặt tại phiên tòa theo thủ tục ủy thác tư pháp, thông báo và niêm yết hợp lệ. Căn cứ theo quy định tại các điều Điều 227, 228, 238 và 477 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử thống nhất tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[2] Về yêu cầu ly hôn của nguyên đơn bà Nguyễn Diễm My:

Qua các tài liệu, chứng cứ thể hiện bà Nguyễn Diễm My và ông PARK HYUNGJIN quen biết nhau qua mai mối, hai bên có tình cảm yêu thương nhau và tự nguyện kết hôn, có thực hiện thủ tục đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân huyện Giồng Riềng và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 177 ngày

06/9/2024. Do đó, Hội đồng xét xử nhận định hôn nhân giữa bà Nguyễn Diễm My và ông PARK HYUNGJIN là hợp pháp.

Bà My xác định, vợ chồng bà chung sống được 03 ngày thì ông PARK HYUNGJIN về Hàn Quốc. Thời gian đầu vợ chồng còn liên lạc với nhau qua điện thoại, sau đó phát sinh mâu thuẫn về kinh tế, bất đồng ngôn ngữ, quan điểm sống, khoảng cách địa lý xa nên không có cơ hội quan tâm chăm sóc nhau, tình cảm vợ chồng dần phai nhạt.

Quá trình thụ lý và giải quyết vụ án, Tòa án đã thực hiện thủ tục ủy thác tư pháp, thông báo và niêm yết hợp lệ cho ông PARK HYUNGJIN, nhưng đến thời điểm xét xử sơ thẩm ông PARK HYUNGJIN vắng mặt và không có văn bản trình bày ý kiến về yêu cầu khởi kiện của bà Diễm My để Tòa án xem xét.

Xét thấy, quan hệ hôn nhân giữa bà Nguyễn Diễm My và ông PARK HYUNGJIN đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống vợ chồng không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, trong thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang, chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Diễm My.

[3] Về con chung: Bà Diễm My xác định không có con chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Bà Diễm My xác định không có, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử xem xét.

[5] Về án phí: Bà Diễm My phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã tạm nộp.

[6] Về chi phí thực hiện ủy thác tư pháp: Bà Diễm My phải chịu chi phí ủy thác tư pháp 200.000 đồng, bà đã nộp xong.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 37, Điều 153, Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 477 và Điều 479 Bộ luật tố tụng dân sự.

Áp dụng khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Diễm My.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Diễm My được ly hôn với ông PARK HYUNGJIN.

2. Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

3. Về án phí: Bà Nguyễn Diễm My phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm là 300.000 đồng, khấu trừ số tiền 300.000 đồng đã tạm nộp, theo biên lai thu tiền số 0011317 ngày 02/12/2024 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Kiên Giang (Nay là Cục thi hành án dân sự tỉnh An Giang).

4. Về chi phí thực hiện ủy thác tư pháp: Bà Nguyễn Diễm My phải chịu lệ phí ủy thác tư pháp là 200.000 đồng, đã nộp xong theo biên lai thu số 0005889 ngày 17/12/2024 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Kiên Giang (Nay là Cục thi hành án dân sự tỉnh An Giang).

5. Quyền kháng cáo: Bà Nguyễn Diễm My có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật. Ông PARK HYUNGJIN có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

6. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh An Giang;
- THA dân sự tỉnh An Giang;
- UBND xã Thạnh Hưng, tỉnh An Giang;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**



Huỳnh Thị Út Mẫn

AN GIANG 성

인민 법원

사건 번호: 94/2025/HNGD-ST

날짜: 2025/12/25

이혼의 건

베트남 사회 주의 공화국

독립-자유-행복

BẢN DỊCH
TRANSLATION

베트남 사회 주의 공화국

대표

An Giang 성 인민 법원

-초심 공판 이사회는 다음과 같다:

판사-의장: Huynh Thi Ut Man 님

인민 위원: Tran Thi Ngoc Tran 님

Nguyen Tan Hung 님

-법원 비서: Vo Tuan Anh 님- An Giang 성 인민법원 비서

-공판에 참가한 An Giang 성 인민 검찰청의 대표자: Tran Thi Lanh 님- 중간검찰관.

2025년 12월 25일, An Giang 성 인민 법원 본사에서 아래 당사자간에 2025년 11월 26일자 제 81/2025/QDST-HNGD 호 사건 1심 재판에 대한 결정문에 따라 이혼 사건에 대한 2024년 12월 16일 제 156/2024/TLST-HNGD 호 수리된 사건을 공개적으로 1심 재판했다.

-원고: Nguyen Diem My 님, 생년월일: 2005/11/06

주소: Kien Giang 성 Giong Rieng 현 Thanh Phuoc 면 Thanh Phong 읍. (현 An Giang 성 Thanh Hung 면, Thanh Phong 읍)

-피고: PARK HYUNGJIN 님, 생년월일: 1984/03/31

주소: 한국 서울특별시 중구 장충동 1가 43번길.

(각 당사자는 재판에 결석했다)

사건의 내용

원고 Nguyen Diem My 씨의 진술:

2024년 6월경, 원고 My 는 중매를 통하여 피고 PARK HYUNGJIN 을 알게 되었으며, 일정 기간 상호 간에 알아가는 과정에서 혼인의 의사가 형성되어 관습과 풍속에 따라 혼인식을 거행하였습니다. 이후 원고와 피고는 Kien Giang 성 Giong

Ular

Rieng 현 인민위원회에서 혼인신고를 하였고, 2024 년 9 월 6 일자 혼인증명서 제 177 호를 교부받았습니다.

혼인 후 원고와 피고는 베트남에서 약 3 일간 공동생활을 하였으며, 그 후 피고 **PARK HYUNGJIN** 은 대한민국으로 출국하였고, 원고 **My** 는 베트남에 거주하면서 한국어를 학습하며 피고의 초청을 기다렸습니다. 혼인 초기에는 쌍방이 전화로 연락을 유지하였으나, 이후 경제적 문제, 언어상의 차이 및 생활관의 불일치로 인하여 부부 간에 갈등이 발생하였습니다. 또한, 원고와 피고가 각기 다른 국가에 거주함으로써 서로를 돌보고 배려할 여건이 없었고, 이로 인하여 부부 간의 애정은 점차 소원해졌습니다.

현재 원고 **My** 는 베트남에 거주하고 있고, 피고 **PARK HYUNGJIN** 은 대한민국에 거주하고 있으며, 쌍방은 현재까지 서로 연락을 하지 않고 있습니다. 이에 원고는 부부 간의 애정이 더 이상 존재하지 아니하고 혼인의 목적이 달성되지 아니하였다고 판단하여 본건 이혼을 청구하였습니다.

- 혼인관계에 대하여: 원고 **My** 는 피고 **PARK HYUNGJIN** 과의 이혼을 청구합니다.

- 공동 자녀에 대하여: 공동 자녀가 없으므로 이에 대하여는 법원의 해결을 청구하지 않습니다.

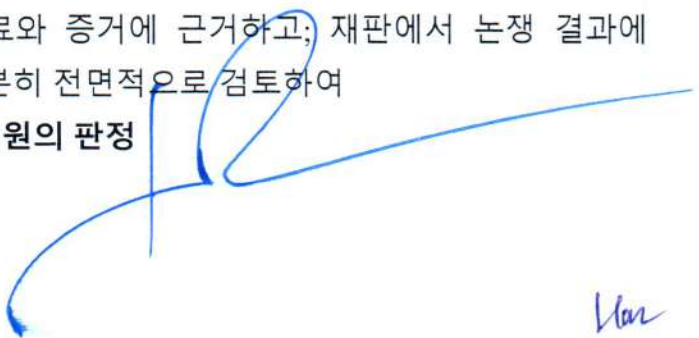
- 공동 재산 및 공동 채무에 대하여: 공동 재산 및 공동 채무가 없으므로 이에 대하여는 법원의 해결을 청구하지 않습니다.

피고인 PARK HYUNGJIN 에 대해서는: 본건 사건의 해결 과정에서 법원은 원고 **Nguyen Diem My** 의 이혼 청구에 관하여 피고 **PARK HYUNGJIN** 에게 적법한 사법공조 절차를 실시하였으나, 그 결과를 얻지 못하였습니다. 이에 법원은 베트남 사회주의공화국 주대한민국 대사관을 통하여 소송 절차 관련 서류를 전자정보망에 게시하고 공시·송달하였으며, 피고가 안장성 인민법원에 서면으로 의견을 제출할 수 있는 기간과 본건 재판기일을 통지하였습니다. 그러나 제 1 심 심리 시점까지 피고 **PARK HYUNGJIN** 은 출석하지 아니하였고, 법원은 피고의 의견서를 접수하지 못하였습니다.

재판에 An Giang 성 인민 검찰원 대표자는 판사, 재판 위원회, 재판의 비서 및 당사자들이 민사소송법률의 규정을 제대로 준수할 것이라고 발표했다. 사건 해결에 대해서는 원고인 **Nguyen Diem My** 의 이혼신청을 인정하라고 재판 위원회에 요청했다.

재판에서 검토하고 심의된 자료와 증거에 근거하고; 재판에서 논쟁 결과에 근거하고; 당사자의 증거 및 의견을 충분히 전면적으로 검토하여

법원의 판정



Mar

[1]. 절차에 관하여: 원고 **Nguyen Diem My** 은 불출석 신청서를 제출하였고, 피고 **PARK HYUNGJIN** 은 적법한 사법 공조 절차에 따라 소송 절차 진행 중 일체 출석하지 아니하였다. 따라서 민사소송법 제 227 조, 제 228 조, 제 238 조, 제 477 조에 근거하여, 재판부는 원고 및 피고의 불출석 상태에서 심리를 진행하기로 한다.

[2] 원고 **Nguyen Diem My** 의 이혼 청구에 관하여:

제출된 자료 및 증거에 따르면, 원고 **Nguyen Diem My** 와 피고 **PARK HYUNGJIN** 은 중매를 통하여 서로 알게 되었고, 쌍방은 서로에 대한 애정이 있어 자발적으로 혼인하였으며, Kien Giang 성 Giong Rieng 현 인민위원회에서 혼인신고 절차를 이행하고 2024년 9월 6일자 혼인증명서 제 177호를 교부받았습니다. 이에 재판부는 원고 **Nguyen Diem My** 와 피고 **PARK HYUNGJIN** 간의 혼인관계가 적법하다고 판단합니다.

원고 **My** 의 진술에 의하면, 혼인 후 부부는 약 3일간 공동생활을 하였고, 이후 피고 **PARK HYUNGJIN** 은 대한민국으로 귀국하였습니다. 혼인 초기에는 부부가 전화로 연락을 유지하였으나, 이후 경제적 문제, 언어상의 불일치, 생활관의 차이 및 지리적 거리로 인하여 서로를 돌보고 배려할 기회가 없었으며, 그 결과 부부 간의 애정은 점차 소원해졌습니다.

본건 사건의 접수 및 해결 과정에서 법원은 피고 **PARK HYUNGJIN** 에게 사법공조 절차를 통하여 적법하게 통지 및 공시·송달을 실시하였으나, 제 1 심 변론기일에 이르기까지 피고는 출석하지 아니하였고, 원고 **Nguyen Diem My** 의 청구에 대하여 어떠한 서면 의견도 제출하지 아니하였습니다.

이에 재판부는 원고 **Nguyen Diem My** 와 피고 **PARK HYUNGJIN** 간의 혼인관계가 이미 회복할 수 없을 정도로 파탄에 이르러 정상적인 부부 공동생활을 유지할 수 없고, 혼인의 목적 또한 달성되지 아니하였다고 판단합니다. 따라서 합의 및 평의 결과, 재판부는 안장성 인민검찰청 대표의 의견을 받아들여 원고 **Nguyen Diem My** 의 이혼 청구를 인용하기로 결정합니다.

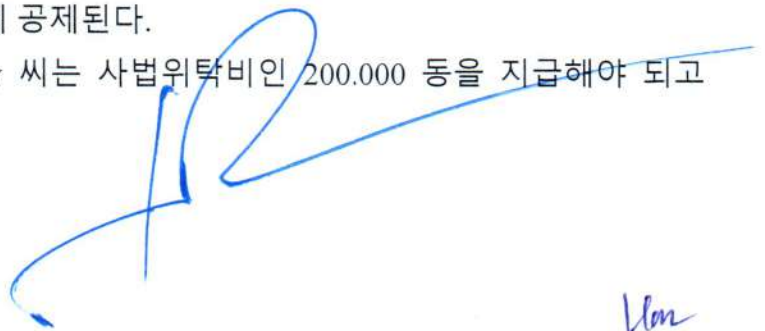
[3] 공동자녀에 대해서: **Diem My** 씨는 없다고 확인해서 법원의 해결을 신청하지 않아서 패잔 위원회는 검토하지 않았다.

[4] 공동 자산 및 공동 채무에 대해서: **Diem My** 씨는 없다고 확인해서 법원의 해결을 신청하지 않아서 패잔 위원회는 검토하지 않았다.

[5] 재판비 및 사법위탁비용: **Diem My** 씨는 초심혼인가정재판비인 300.000 동을 지급해야 되고 선급한 초심재판비에 공제된다.

[6] 사법위탁비용: **Diem My** 씨는 사법위탁비인 200.000 동을 지급해야 되고 선급한 200.000 동에 공제된다.

위와 같은 이유로 인해,



Vlan

결정:

민사소송법의 제 28 조 제 1 항, 제 37 조 제 1 항, 제 153 조, 제 227 조, 제 228 조, 제 238 조, 제 477 조, 제 479 조에 근거하여.

2014 년 혼인가정법의 제 56 조제 1 항 및 재판비와 법원비 징수수준, 면제, 감면, 징수, 납부, 관리 및 사용에 대해서 규정한 국회상무 위원회의 2016 년 12 월 30 일 제 326/2016/UBTVQH14 호 의결서 제 27 조제 5 항 a 점을 적용하여

판정: 원고인 **Nguyen Diem My** 의 소송요청을 승인한다..

1. 혼인관계: **Nguyen Diem My** 씨는 **PARK HYUNGJIN** 씨과 이혼한다.

2. 공동자녀공당 자산, 공동 채무에 대해서: 없다고 해서 법원의 해결을 신청하지 않았다.

3. 재판비: **Nguyen Diem My** 씨는 300.000 동의를 초심혼인가정재판비를 지급해야 되고 (현 An Giang 성 민사집행국) Kien Giang 성 민사형집행국의 2024 년 12 월 02 일 제 0011317 호 영수증에 따라 기지급한 300.000 동에 공제된다.

4. 사법위탁절차 진행비용: **Nguyen Diem My** 씨는 사법위탁비용인 200.000 동을 지급해야 하고 Thao 님은 (현 An Giang 성 민사집행국) Kien Giang 성 민사형집행국의 2024 년 12 월 17 일 제 0005889 호 영수증에 따라 지급했다.

5. 항고권: **Nguyen Diem My** 씨는 판결일부터 15 일동안 항고권이 있습니다. **PARK HYUNGJIN** 씨는 상기 판결을 합법적으로 송달하거나 법률 규정에 의하여 상기 판결을 합법적으로 고시하는 일부터 01 개월동안 상기 판결에 대해서 항고할 수 있습니다.

6. 판결, 결정은 민사형 시행법 제 2 조의 규정에 의하여 시행될 경우 민사형을 시행되는 자, 민사형을 시행해야 하는 자는 민사형 시행법 제 6 조, 7 조, 7a 조, 9 조의 규정에 의하여 시행 합의권, 시행 요청권이 있거나, 자발적으로 시행하거나시행을 강제됩니다. 시행 기간은 민사형 시행법 제 30 조의 규정에 의하여 실시됩니다./.

수신처:

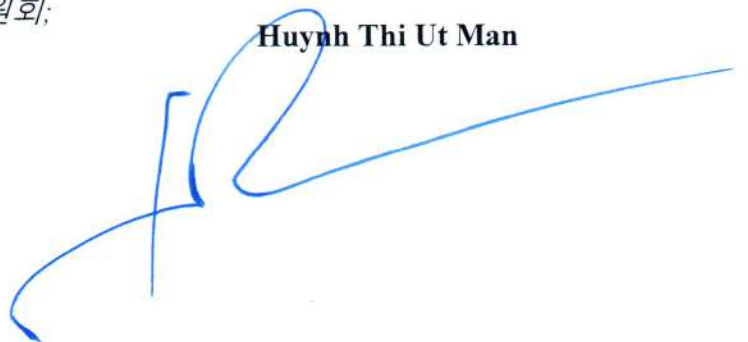
- An Giang 성 인민검찰청;
- An Giang 성 민사형 시행국;
- An Giang 성, Thanh Hung 면인민위원회;
- 각 당사자;
- 사건 서류 저장.

초심 공판 이사회의 대표자

판사 - 의장

(서명, 날인)

Huynh Thi Ut Man



Man

Tôi, Vũ Thu Hà, Căn cước công dân số: 001195012527 do Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 25/04/2021; cam đoan đã dịch chính xác nội dung của giấy tờ/văn bản này từ **tiếng Việt sang tiếng Hàn**.

성명: Vu Thu Ha 주민등록번호 : 001195012527; 발급처: 사회질서예관한 행정관리 경찰국; 발급일: 2021/04/25; 이 자료를 베트남에서 한국어로 정확하게 번역했습니다.

Ngày 22 tháng 01 năm 2026

2026년 01월 22일

Người dịch ký và ghi rõ họ tên

번역자 서명 및 성명 기재

Vũ Thu Hà
Vu Thu Ha

Ngày 22 tháng 01 năm 2026 (Bằng chữ: Ngày hai mươi hai, tháng một, năm hai nghìn không trăm hai mươi sáu)

2026년 01월 22일

Tại Văn phòng Công chứng Nguyễn Huệ, địa chỉ tại số 165 Giảng Võ, phường Ô Chợ Dừa, thành phố Hà Nội.

하노이시, O Cho Dua 동, Giang Vo 165 번지에서 주소가 있는 Nguyen Hue 공증 사무소에서

Tôi, **Lê Như Tuấn** là Công chứng viên, Văn phòng Công chứng Nguyễn Huệ, thành phố Hà Nội.

저는 공증인

입니다, 하노이시, Nguyen Hue 공증 사무소에서.

CHỨNG THỰC

- Bà Vũ Thu Hà là người đã ký vào từng trang bản dịch này. Người thực hiện chứng thực đã đối chiếu chữ ký của người dịch trên bản dịch và nhận thấy phù hợp với chữ ký mẫu của cộng tác viên dịch thuật đã đăng ký tại Văn phòng Công chứng Nguyễn Huệ, thành phố Hà Nội.

- Bản dịch của các trang đã ký tên là Vu Thu Ha. Công chứng viên là người dịch. Công chứng viên đã kiểm tra và xác nhận chữ ký của người dịch và nhận thấy phù hợp với chữ ký mẫu của cộng tác viên dịch thuật đã đăng ký tại Văn phòng Công chứng Nguyễn Huệ, thành phố Hà Nội.

Văn bản chứng thực này được lập thành 03 bản gốc (mỗi bản gốc gồm 5 tờ, 5 trang), lưu 01 (một) bản gốc tại Văn phòng Công chứng Nguyễn Huệ, thành phố Hà Nội.

공증 문서는 원본 부로 작성되며, 각 번역본은 매, 페이지를 포함하며, 하노이시 Nguyen Hue 공증 사무소에서 원본 01 부씩을 저장합니다.

Số chứng thực: 9430

Quyển số: 01/2026 - SCT/CKND

공증번호:

대장번호: 01/2026 - SCT/CKND

Người thực hiện chứng thực
Ký, ghi rõ họ, tên và đóng dấu

CÔNG CHỨNG VIÊN

공증인



Lê Như Tuấn